

TÓM TẮT BÀI GIẢNG: TRẠNG TỪ CHỈ TẦN SUẤT & NGỮ PHÁP

Chương trình tiếng Anh tương tác "Form ZERO to MASTER" — www.tienganhhaiphong.vn

1. Định nghĩa & Chức năng chung

- Trạng từ (Adverb):** Là từ dùng để bổ nghĩa cho động từ (*He runs quickly*), tính từ (*She is very beautiful*) hoặc một trạng từ khác (*He runs very quickly*).
- Tính từ (Adjective):** Bổ nghĩa cho danh từ (*A big house*).
- Trạng từ chỉ tần suất (Adverbs of Frequency):** Diễn tả mức độ thường xuyên của một hành động, trải dài từ **100%** (Always) đến **0%** (Never).

2. Bảng Hệ Thống Trạng Từ Chỉ Tần Suất (Từ ALWAYS đến NEVER)

TRẠNG TỪ	TẦN SUẤT	VÍ DỤ MINH HỌA	LỜI DỊCH MÔ TẢ
Always	100%	I always brush my teeth before bed.	Tôi luôn luôn đánh răng trước khi đi ngủ.
Almost always	90%	She almost always drinks coffee in the morning.	Cô ấy hầu như luôn luôn uống cà phê vào buổi sáng.
Usually	80%	We usually play football on Sundays.	Chúng tôi thường xuyên chơi bóng đá vào các ngày Chủ nhật.
Frequently / Often	70%	He frequently visits his grandparents. / They often go to the cinema.	Anh ấy thường xuyên thăm ông bà. / Họ thường hay đi xem phim.
Sometimes	50%	Sometimes we come home late.	Thỉnh thoảng chúng tôi về nhà muộn.
Occasionally	30%	I occasionally eat fast food.	Thỉnh thoảng / đôi khi tôi ăn đồ ăn nhanh.
Seldom / Rarely	10% - 15%	She rarely watches horror movies.	Cô ấy hiếm khi xem phim kinh dị.

TRẠNG TỪ	TẦN SUẤT	VÍ DỤ MINH HỌA	LỜI DỊCH MÔ TẢ
Hardly ever / Scarcely	5%	He hardly ever complains about his job.	Hầu như anh ấy không bao giờ phàn nàn về công việc của mình.
Never	0%	They never tell lies.	Họ không bao giờ nói dối.

3. Vị Trí Của Trạng Từ Trong Câu

- **Trước động từ chính (Quy tắc chung):** Đây là vị trí phổ biến nhất trong câu khẳng định.

Ví dụ đúng: We **sometimes** play sports.

Lời dịch: thỉnh thoảng chúng tôi chơi thể thao.

- **Cuối câu:** Một số trạng từ (như *sometimes*) có thể đứng ở cuối câu để bổ sung thông tin.

Ví dụ đúng: We play sports **sometimes**.

Lời dịch: Chúng tôi chơi thể thao thỉnh thoảng.

- **Đầu câu:** Dùng khi muốn nhấn mạnh mức độ thường xuyên của hành động.

Ví dụ đúng: **Sometimes** we come home late.

Lời dịch: Thỉnh thoảng chúng tôi về nhà muộn.

Lưu ý tối quan trọng: Không đặt trạng từ giữa động từ chính và tân ngữ.

✗ Sai: We play **sometimes** sports

✓ Đúng: We **sometimes** play sports.

4. Cách Dùng Trong Câu Phủ Định

- **Đối với trạng từ khẳng định (Always, Usually, Often...):** Có thể đi kèm trợ động từ phủ định (*don't / doesn't*).

Ví dụ: I **don't always** eat rice for breakfast.

Lời dịch: Tôi không phải lúc nào cũng ăn cơm vào buổi sáng.

- Đối với trạng từ mang nghĩa phủ định (Never, Rarely, Seldom...): **KHÔNG** được dùng thêm "not" vì sẽ dẫn đến lỗi phủ định kép trong tiếng Anh.

❌ Sai: I ~~don't never~~ eat rice.

✅ Đúng: I **never** eat rice. (Tôi không bao giờ ăn cơm.)

Liên hệ hỗ trợ ngữ pháp & kỹ thuật: Mr. Lê Đại Phong | Phone + Zalo: 0971386608 | Email: typhoon620@gmail.com

Chương trình luyện thi cấp tốc vào lớp 10 & tốt nghiệp 12 tại: www.tienganhhaiphong.vn